

MỘT SỐ THÀNH TỰU THƠ CA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ THỜI KỲ ĐỔI MỚI

◆ PGS.TS. TRẦN MẠNH TIỀN

Là một quốc gia đa dân tộc, nói đến thơ Việt Nam là nói tới những thành quả nghệ thuật của 54 dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam. Mỗi dân tộc có một truyền thống văn hóa riêng, tiêu biểu là loại hình nghệ thuật thơ ca dân gian giàu bản sắc dân tộc như hát Then, hát Cọi, hát Quan làng của dân tộc Tày, hát Lầu của dân tộc Nùng, hát Khuokez của dân tộc Mông, Sinh ca của dân tộc Cao Lan, hát Páo Dung của dân tộc Dao, hát Soọng cô của dân tộc Sán Dìu, hát Xường của dân tộc Mường, làn điệu Khắp của dân tộc Thái... cùng các làn điệu dân ca phong phú khác của các dân tộc Tây Nguyên như Êđê, Gia rai, Ba Na, Vân Kiều, Mơ nông... dân ca Quan họ Bắc Ninh, hát Xoan Phú Thọ, hát Dặm Nghệ Tĩnh, hát Châu Văn của dân tộc Kinh... Thơ ca dân gian là “nguồn sữa không cạn” của thơ ca đương đại.

Thời kỳ văn học hiện đại (trước 1945) trở đi đã lần lượt xuất hiện các nhà thơ dân tộc thiểu số như Hoàng Đức Hậu, Hoàng Văn Thụ, Nông Quốc Chân, Bàn Tài Đoàn, Cầm Biều, Nông Việt Toại, Nông Minh Châu... đã tạo nên những vẻ đẹp của nền thơ cách mạng. Bước sang thời kỳ đổi mới, các cây bút dân tộc ít người như Lò Ngân Sủn, Hùng Đình Quý, Pờ Sào Mìn, Y Phương, Mã A Lềnh, Inrasara, Lò Vũ Vân, Lò Cao Nhum, Dương Thuấn, Dương Khâu Luông, Lâm Quý, Mai Liễu, Niê Thanh Mai, Hơ Vê, Bùi Tuyết Mai... đã được nhiều bạn đọc chú ý bởi

những thành quả mới. Nhiều bài thơ được sáng tác bằng song ngữ đã làm cho diễn ngôn thơ ca Việt Nam phong phú hơn bao giờ hết. Thơ ca các dân tộc thiểu số đã tạo nên gương mặt mới cho nền thơ ca Việt Nam hiện đại. Không chỉ nhằm phát huy bản sắc văn hóa của chính mình, các nhà thơ dân tộc thiểu số còn đi tiên phong trong sự nghiệp đổi mới văn học nước nhà ở nhiều phương diện sáng tác, lý luận, phê bình, sưu tầm, nghiên cứu và dịch thuật. Thời kì đổi mới đã mở đường cho tiềm năng thơ ca các dân tộc thiểu số Việt Nam phát lộ. Các nhà thơ dân tộc thiểu số ít bận tâm đến các trường phái này, trường phái khác mà đi sâu vào truyền thống đã tạo nên nhiều thành tựu đặc sắc. Cho hay “Mọi lí thuyết đều là màu xám, chỉ có cây đời mãi mãi xanh tươi” (Goethe). Điều đó phải chăng đã ứng nghiệm với nghệ thuật thơ ca thời đổi mới ở các nhà thơ xứ lâm tuyến. Song, không phải mọi nhà thơ dân tộc thiểu số đều xa rời lý luận, phê bình hiện đại (Inrasara nhà thơ Chăm vừa sáng tác vừa quan tâm về lý luận), nhưng bằng tài năng, sở trường và ưu thế của riêng mình, đã bám chắc vào cội nguồn dân tộc đã làm ra những sản phẩm nghệ thuật giàu sức sống hơn “biên thơ mênh mông” ở đồng bằng và đô thị. Thơ các nhà thơ dân tộc thiểu số phản ánh sự mới mẻ từ nội dung đến hình thức theo cảm quan thẩm mỹ của nền văn hóa mới. Dù viết bằng tiếng dân tộc hay viết bằng tiếng Kinh, các nhà thơ đều hướng tới cách tân. Trong

nhà trường, nhiều tác phẩm văn học dân tộc thiểu số được đưa vào học tập. Sáng tác của các nhà thơ dân tộc thiểu số đã mở ra không gian mới về văn hóa thơ ca thời hội nhập. Tài năng thơ dân tộc thiểu số ở mọi miền đất nước đều xuất hiện, đặc biệt là những cây bút nữ từ Việt Bắc, Tây Bắc đến Tây Nguyên như Chu Thùy Liên (Hà Nội), Hoàng Kim Dung (Tây), Bùi Tuyết Mai (Mường), Hơ vê (Hơ rê), Niê Thanh Mai (Ê Đê)... đã đem đến những sắc điệu riêng cho thi đàn thơ đương đại Việt Nam.

Các nhà thơ dân tộc thiểu số đã đi sâu vào môi trường văn hóa miền núi, về phong tục tập quán, tín ngưỡng, thiên nhiên, các sinh hoạt vật chất và tinh thần của từng dân tộc cùng quan niệm thẩm mỹ mỗi cộng đồng. Hùng Đình Quý - nhà thơ, nhà sưu tầm nghiên cứu văn nghệ dân gian Mông - với tập *Chỉ vì quá yêu* viết bằng song ngữ Việt - Mông cho thấy quan niệm sống mới của người Mông có mối liên lạc với truyền thống văn hóa Mông. Bài thơ *Đợi chờ*, Hùng Đình Quý viết: “Em Gầu Mông/Nếu / em nhớ dài, anh nhớ lâu/ Thi cho dù hang ra hoa, đá ra quả/ Cũng chẳng ai tách rời được hai ta đâu! Nếu anh nhớ đầy/em nhớ đủ/ Thi cho dù đá ra quả, hang ra hoa/Cũng chẳng ai tách rời hai ta được!”. Một bài thơ tình yêu rất hiện đại nhưng thấm chất dân ca. Nhà thơ dân tộc Mông Mã A Lềnh có nhiều bài thơ mang hình ảnh và cảm xúc mới lạ, đơn cử bài *Đá ở Sapa*: “Đá!/Rất nhiều đá/Đâu đâu cũng đá/Đá nằm như hồ rình mồi/Đá đứng như trâu gặm cỏ/Đá vươn như ngựa phi giữa nắng chiều tà/Từ đá/Vụt lên những bông hoa nhỏ nhoi/ Chúng tôi gọi là hoa bắt từ/ Từ đá/ Mọc lên những rừng đào trĩu quả/ Chúng tôi kêu đào vạn thọ/ Từ đá/ Sinh ra những chàng thi sĩ/ Hát ca về đất trời tình yêu của mình.”. Chất liệu hiện thực trong thơ bắt nguồn từ môi trường sống vùng cao, nhờ trí tưởng tượng

của nhà thơ mà trở nên thi vị. Thơ Hồ A Di, nhà thơ dân tộc Mông tràn đầy chất dân ca và hiện thực vùng núi Tây Bắc. Bài thơ *Không gì đẹp bằng mối tình đầu* mang hình ảnh và điệu dân ca Mông ở tính trùng điệp: “Trời nắng con quạ lượn/Trời mưa con quạ bay/Bay đậu dưới chân đèo/ Đàn ông, dù tham chín mươi vợ/ Nhưng không có tình yêu nào/Đẹp bằng mối tình đầu. Trời nắng con quạ lượn/ Trời mưa con quạ bay/ Bay đậu dưới bãi bằng/Đàn bà, dù có lấy chín mươi chồng/Nhưng không có tình yêu nào/ Mặn mà bằng mối tình mới bén duyên”. Cái hay trong thơ ông là tính trực cảm hồn nhiên từ đời sống phong tục và môi trường sống.

Inrasara là một nhà thơ, một cây bút lý luận phê bình và dịch thuật sôi nổi mạnh mẽ trong đời mới. Với 8 tập thơ và trường ca từ 1996 đến nay, tiêu biểu như: *Tháp nắng* (1996); *Sinh nhật cây xương rồng* (song ngữ Việt - Chăm, 1997), *Hành hương em* (1999), *Inrasara - Thơ* (2003), *The Purification Festival in April* (Lễ tẩy trần tháng tư - thơ song ngữ Anh - Việt, 2015), Inrasara đã gây được sự chú ý của nhiều bạn đọc ở các chủ đề, cảm hứng và một số kiểu cách tân. Bài thơ *Không ai có thể hát thay chúng ta* có câu: “Không ai có thể hát thay chúng ta/ nơi đây và lúc này/ cả hôm sau, có lẽ”... toát lên tinh thần tự do, hay trong *Đứa con của đất*, nhà thơ ý thức sâu sắc về con người là kết tinh của huyết thống, tạo hóa với quê hương: “Mẹ nuôi tôi bằng bầu sữa ca dao buồn/ Cha nuôi tôi bằng cánh tay săn Glang Anak¹/Ông nuôi tôi bằng vàng trắng sương mù truyền thuyết/ Plây² nuôi tôi bằng bóng chiều, hồn dế, tiếng mõ trâu”.... *Khúc quê* là một bài thơ giải bày những trạng thái tâm hồn phức điệu của một chàng trai với người con gái: “Không em/ Tìm quê hồn sầu gió lạ/ Chân mộng du lạc miền phố xá/ Chiều mông mênh/ Mong cầm tay về xứ

gian nan/ Màu mắt thôi đắm buồn dĩ vãng/ Thơ
khát khao gieo tiếng vui đây/ Anh thấp nhỏ nhói
nhảnh hy vọng/ Qua héo đầu này chồi sắc nắng/
Có em/ Tháng bảy bằng lăng đời trở ám/ Cây què
hương giữ bụi cát lằm/ Đường cây vỡ sáng trán
nông dân³. Đó là những xúc cảm về tình yêu hồn
nhiên pha màu dân dã. Là một cây bút nhiệt
thành và trải nghiệm thơ ca trong nền văn hóa đa
sắc tộc, Inrasara viết bằng tất cả nội lực của mình
vừa mang âm hưởng văn hóa Việt vừa khắc sâu
bản sắc Chăm. Đó là tinh thần tự do, phóng
khoáng, khát vọng bay cao, bay xa và những
niềm tin vào cội rễ, thắm đắm tình yêu và buồn
vui của cuộc sống, vừa giàu chất trữ tình vừa giàu
triết luận. Để có những thành quả lớn, Inrasara
đang phải vật lộn với thời gian và chân lí nghệ
thuật, kết đọng những tinh hoa từ trong lòng dân
tộc trên dòng chảy thơ đương đại Việt Nam và
thế giới.

Lò Ngân Sùn là nhà thơ dân tộc Giáy, một tài
năng quý hiếm. Ông để lại trên 10 tập thơ: *Chiều
biên giới* (1989), *Những người con của núi*
(1990), *Đám cưới* (1992), *Đường dốc* (1993),
Dòng sông mây (1995), *Chợ tình* (1995), *Ở đây*
(1994), *Trời, cái bật lửa* (1995), *Con của núi*
(tập 1: 1996; tập 2: 1997), *Lều nương* (1996),
Chiếc vòng bạc (1987), *Suối Pí Lè* (1996). Thơ
ông là tiếng ca tươi xanh của một hồn thơ rộng
mở trước nhịp sống của đồng bào các dân tộc
thiểu số từ Tây Bắc đến Tây Nguyên với thiên
nhiên tươi đẹp, các thuần phong mỹ tục, những
đổi thay của cuộc sống vùng cao trong thời đại
mới; tinh chất trữ tình trong nền văn hóa giàu
bản sắc dân tộc... Bài thơ *Đi trên chín khúc Bản
Xèo* có đoạn: “Ta đi trên chín khúc Bản Xèo/
Càng đi con đường càng cheo leo / Nơi ấy tình
yêu ta ở đó / Ai lên Bản Xèo, cùng ta theo”! Bài
Ngôi nhà rông có những câu thơ đậm sắc màu

dân dã: “Ngôi nhà Rông/ Có trong đó/ Những
chàng trai/ Chân đất/ mặc khô/ Đi như gió thổi
qua rừng/ Ngôi nhà Rông/ Có trong đó/ Các cô
gái/ Ngực trần/ Vàng vạc/ Sông núi/ Bầu trời/
Bầu trăng/ Ngôi nhà Rông/ Có trong đó/ Lời kể
khan/ Giàu công chiêng/ Lòng lộng hồn Tây
Nguyên/ Ngôi nhà Rông/ Trông như một/ Lưỡi
riêu/ Sắc lẹm”. Bài thơ sinh động như dòng suối
Tây Nguyên chảy tràn sức sống của con người.
Bài thơ *Trông thấy em* bộc bạch xúc cảm chân
thành của chàng trai miền núi: “Trông thấy em/
Anh lại thấy đôi ròi/ Trông thấy em/ Anh lại thấy
khát ròi.../ Trông thấy em/ Anh vui như chim có
tổ/ Anh mừng như đứa có đôi/ Trông thấy em/
Anh chặt cây chuối làm củi, đốt cũng cháy/ Anh
đào đất cạn làm ao, nước cũng đầy/ Trông thấy
em/ Đêm đêm/ Hình anh chui vào buồng em
nằm/ rúc vào chăn em ngủ...”⁴. Cái hay trong thơ
tình yêu của Lò Ngân Sùn là những tình cảm bộc
trực, hồn nhiên, sinh động, gần gũi tâm cảm của
con người miền núi phác thực, khác hẳn với lối
“thơ” biểu lộ dục tình của Nguyễn Hữu Hồng
Minh hay của Bùi Chát.

Pờ Sảo Min là nhà thơ của dân tộc Pa Dí đã
giành bốn giải thưởng văn học qua bốn tập thơ
Biển Chàm trên núi (1982), *Lời của dân tộc tôi*
(1985), *Cây hai ngàn lá và bài ca hoang dã*
(1994-1995), *Người con trai Pa Dí* (1995). Ông
lấy cảm hứng từ thiên nhiên và nhịp sống bản
làng, gia đình, bè bạn in sắc màu xứ sở để tạo nên
các tứ thơ. Trong bài *Vợ tôi* có những câu chân
thành và cảm động: “Vợ tôi/Năm nay 60 tuổi
rồi/Nửa thế kỷ đi qua mái đầu bạc trắng/ Một đời
gánh nặng khó nhọc trên vai/ Tôi con suối thì đi/
Em đất đai ở lại/ Với túp lều con cái. Vợ tôi/
Cũng đã qua một thời con gái/ Tóc dài như suối,
mắt sáng như sao/ Nghe em nói giọng chim mi

ngọt ngào/ Náo nức lòng tôi/ Con trai/ người Pa Dí.../ Tôi gọi em đích thực: Mẹ ơi/ Mẹ của các con tôi và mẹ của chính tôi/ Không có vợ không câu thơ sinh nở/ Không có vợ không bài ca để hát/ Vợ tôi..."⁵. Những gì gần gũi, chân thực mang ý nghĩa nhân văn đã đi vào thơ ông. Phải chăng đó cũng là đổi mới, một sự đổi mới đưa thi ca trở về cuộc sống trong ta với những gì gần gũi thân yêu nhất.

Dương Thuần là cây bút dân tộc Tày trưởng thành trong thời kì đổi mới, làm thơ song ngữ Tày-Việt với 3 tập thơ, tổng cộng 1598 bài thơ, chưa kể thơ viết cho thiếu nhi và các bài thơ in báo khác. Thành công trong thơ Dương Thuần là những bức tranh về thiên nhiên tươi đẹp, bản làng thân yêu với các phong tục, tập quán làm nên bản sắc miền núi. Thơ Dương Thuần mang địa danh chứa đựng hồn người với những kí ức từ trong huyền thoại đến thời hiện đại. Thơ ông tràn đầy tiếng suối, tiếng chim, tiếng gió, tiếng hát, tiếng đàn, tiếng sáo, cảnh vật và cả những huyền thoại dân gian. Trong bầu thanh sắc, hòa âm của miền rừng là những cái tên Bản Hòn, Nậm pé, Thác Đầu Đẳng, Động Puông, Sông Năng, Núi Hoa, Nèm Ngước, Khuổi Luông, Pác Nặm, Núi Cơm chiều, Đèo Bông Lau, Đèo Cửa gió, Núi Thuyền Đồng, Núi Chè Dà, Núi Đan Khánh... những nơi khác là Thác Ma Hào, Đồng Văn, Phó Bảng, Mã Pi Lèng, Kì Củng, Yên Tử, Bái Tử Long, Bản Dốc, Mường So, Mĩ Sơn, Kon Tum, Pleiku, Tây Nguyên, Trường Sa... Rồi đến những nơi xa lạ như Washington, California, Toronto, Trường Thành, Thiên Đàn, Thẩm Quyển... *Tuyển tập thơ Dương Thuần*, Tập II (Con lược Fong shu Dương Thuần", Con II), là tập thơ tình mới mẻ. Bài thơ *Em như con suối* có những câu: "Mùa suối lũ anh mong mùa suối cạn/ Để đi dày vò bước qua trên đá thắm em/ Đến mùa suối cạn anh

lại mong mùa suối lũ/ Để chiều chiều ngắm em bên suối đứng câu..." Bài thơ *Thiếu em một ngày* (Siêu noọng văn toóc) diễn tả trạng thái tâm hồn chàng trai khi yêu: "Thiếu cơm có thể nhịn đói/ Thiếu nước có thể nhịn khát/ Thiếu nhà có thể ngủ gốc cây/ Nhưng không thể thiếu em..."⁶. Như vậy, cái hay, cái đẹp trong thơ có khi chỉ là những xúc cảm hồn nhiên về cuộc sống được chuyển hóa thành nghệ thuật.

Mai Liễu là nhà thơ dân tộc Tày với nhiều tập thơ viết về miền núi, tiêu biểu như *Suối làng* (1994), *Mây vẫn bay về núi* (1995), *Lời Then ai buộc* (1996), *Đầu nguồn mây trắng* (2004), *Bếp lửa nhà sàn* (2005), *Núi vẫn còn mưa* (2013)... Thơ ông mang nhiều hình ảnh gần gũi thân thuộc với các âm thanh, màu sắc, hương vị miền núi phía Đông Bắc, khơi gợi nhiều cảm giác và suy tư về cuộc sống. Trong đó có những vần thơ giàu cảm xúc khi viết về quê hương. Bài *Rau Dón tháng Ba*: "Búp rau Dón cong đậm đà hương vị/ Bữa cơm thường nồng đượm tình quê"⁷. Hay những câu thơ tình trong lễ hội dân gian, qua bài *Tung còn*: "Hai cặp mắt tình tứ trông nhau /quả còn trên tay mê ngủ /chẳng nhớ mình đeo tua đồ tua xanh"⁸. Mỗi sản phẩm sáng tạo của nhà thơ là những phát hiện về cái đẹp gần gũi, nhà thơ biết bám sâu vào mảnh đất văn hóa truyền thống dân tộc mỗi miền quê đất nước làm nảy sinh những vần thơ tươi đẹp.

Sinh ra và lớn lên ở vùng trung du miền núi phía Đông Bắc, Lâm Quý không chỉ là nhà thơ mà còn là nhà nghiên cứu, sưu tầm và dịch thuật tài hoa của dân tộc Cao Lan (Sán Chay) như *Xịnh ca Cao Lan*, *Truyện cổ Sán Chay*. Ông từng là người lính chống Mỹ, có nhiều bài thơ viết về tình yêu thương, những kí ức tuổi thơ và tình mẹ sâu lắng bằng song ngữ. Bài thơ *Quê Cọ* có

những câu: “Cái màu cọ non, em ơi khó tả/ Sao cứ nồn nà như đôi tay ai.../ Tháng sáu mẹ đi bừa về, cưa đầy móm cọ/ Em chạy sang anh hái mầm rau ngổ/ Bát canh riêu vàng đầy đỏ ráng mùa/ “À oi... đất đồi chưa nắng đã khô/ Ai sang quê cọ nhớ mua quạt gỏi”/ Tiếng ru của mẹ lượn vòng quanh nôi/ Lượn ra mái đồi xòe tay che nắng/ Lượn ra đồng vắng nhuộm trắng cánh cò”⁹. Thơ ông là những bức tranh thiên nhiên xứ sở và những hình ảnh con người với bản làng miền núi trung du đậm chất Sinh ca.

Triệu Kim Văn là một nhà thơ dân tộc Dao, với các tập thơ *Hoa núi* (1990), *Mùa Sa nhân* (1994), *Lối cỏ* (2004). Thơ ông thể hiện những cảm xúc và hình ảnh mộc mạc từ một tâm hồn phác thực, phóng khoáng của con người xứ sơn lâm. Tác phẩm nhan đề *Thơ củi* vừa là bài ca tự bạch tâm trạng vừa là tiếng nói về quan niệm sáng tác của mình: “Thơ tôi như những cây củi/ Những cây củi hái trong rừng ra/ Tất nhiên không phải rừng cấm/ Hay rừng quốc gia/ Củi thì ắt nhiều loại/ Này đây là củi cảnh/ Cây to và cây nhỏ/ Bó cùng cây cong vênh/ Củi gộc một súc gỗ/ Củi nom cây nõ khô/ Củi bở/ thẳng và đẹp/ Thật dễ nhóm trong lò/ Chất liệu củi cũng khác/ Cây cháy cháy vèo vèo/ Cây nhom nhem lửa liếm/ Khói um sùm mắt cay/ Có cả cây củi mục/ Cây đen nhem đã qua lửa nhiều lần/ Cây chỉ trơ thân lồi/ Ủ than hồng suốt ngày đêm/ Củi tôi hái từ con tim/ Cánh rừng con tim rộng dài không đo được/ Lửa cháy hết rồi tôi ngồi khóc/ Nhớ chàng mò côi kiếm củi đồi hạt kê/ Câu thơ tôi cùng làm lụi chón quê”¹⁰. Thơ ông là sự kết tinh chất liệu hiện thực miền núi và truyền thuyết dân gian tạo nên nhiều hình tượng mới vừa “lạ” vừa “quen”.

Ở vùng quê Tây Bắc, những sáng tác của các

nhà thơ dân tộc Thái như Cầm Biêu, Lò Văn Cây, Lò Xuân Thương, Cầm Thị Chiêu, Lò Vũ Văn, Lò Cao Nhum đã đem lại nhiều bức tranh sinh động. Các cây bút đều đi sâu vào truyền thống văn hóa quê hương, khám phá các tinh hoa dân tộc bằng cái nhìn mới mẻ. Xin đơn cử bài thơ *Cây Ban trên nương* của Lò Xuân Thương. Qua hình tượng một loài cây hoa trong thiên nhiên, nhà thơ khẳng định sức sống mạnh mẽ của cái đẹp với tình yêu con người trong bão tố. Bài thơ được viết bằng cả hai ngôn ngữ Kinh-Thái, tác giả tự dịch ra Tiếng Việt, đã thu hút nhiều bạn đọc: “Một cây ban đứng điềm nhiên/ Cạnh lối lên nương làm cỏ/ Hời đông, hời gió/ Sao ban kia vẫn bình yên phận thường?/ Cây ban rằng: “Hoa tình yêu/ Trắng trong tuổi trẻ/ Chung thủy tận già/Lửa nương đốt gốc, chưa thành than thì không thể chết/ Gió giập thân cành, chưa tan tành em vẫn tươi xanh”. Bài thơ *Xuân bản Thàn* (1996) của tác giả Lò Vũ Văn gợi ra cảnh sắc và không gian văn hóa Tây Bắc tươi đẹp: “Tết/ Ở bản Thàn/ Cái vui/ Sôi lên từ/ hũ rượu cần/ Bụng trống/ Vú chiêng/ Rung lên/ Cả mái sàn chao đảo/ Đỉnh núi/ cao lúc lắc cái đầu/ Mãng vầu/ Mãng sắt/ Đong tai đón mưa rơi”. Có bài thơ của ông diễn tả những nghịch lý tình yêu bằng cách nói dân gian: “Thương nhau/ Trái đất nhỏ bằng quả gắm/ Đường đi lối lại ngắn bằng gang tay/ Bước một bước là tới/ Thương nhau/ Chim cu gáy mọc sừng/ Cá lên rừng làm tổ/ Hồ về châu gằm thang/ Vẫn thương/ Thương nhau “Nước đưng sàng không lọt/ Khói đưng sọt không bay”. Thả lá tre xuống nước thành cá/ Cỏ lồng vực hóa mạ xanh non” (*Thương nhau*)¹¹. Có khi là hình ảnh chân thực và lãng mạn trong thơ Cầm Hùng qua bài *Hạnh phúc*: “Vợ chồng tôi/ Dựng nhà đỉnh núi/ Mái nhà sàn nhọn thành ngòi bút/ Vẽ lên trời những bông hoa mây”. Từ chất liệu hiện

thực tiêu biểu của miền Tây Bắc, nhà thơ khám phá ra những hình tượng nghệ thuật mới có sức sống hồn nhiên, giàu bản sắc quê hương.

Bùi Tuyết Mai là một nhà thơ nữ dân tộc Mường có những bài thơ viết về tình yêu, làng bản quê hương như *Tâm tình người thiếu nữ* (1990), *Mưa trong nhà* (1998), *Trầu đỏ môi ai*, *Cánh đồng*, *Làng tôi*, *Tháng giêng chim hót* (2014). Cảm hứng về phong tục và thiên nhiên xứ sở đã tạo nên những bức tranh thiên nhiên thắm tình người với những câu: “Tháng giêng non bình minh chim hót/ Lá xuân xanh gói giấc mơ hồng/ Chim ngược mô vọng ca theo gió/ Tháng giêng xưa có kẻ ru tình” (*Tháng Giêng chim hót*).

Hơ Vê là một nhà thơ nữ dân tộc H'rê, thơ của chị thể hiện cái chân thành, sôi nổi của người thiếu nữ vùng Tây Trung Bộ. Bài thơ *Thương lắm nhớ nhiều*: “Em yêu anh/ Như con chim vơ-ling yêu rừng/ Em thương anh/ Như con cá ra-tang thương nước/ Em nhớ anh/ Cứ nhấp nha nhấp nhồm/ Như con kiến cắn tim/ Như lửa đốt trong bụng/ Muốn thấy ngay cái miệng/ Muốn cầm ngay cái tay/ Muốn đi bên anh như đôi chim cùng bay.../ Nhớ thương đầy cả đêm/ Nhớ thương sáng cả ngày/ Như con chim vơ-ling/ Như con cá ra-tang”¹². Bài thơ biểu lộ các trạng thái tâm hồn đang yêu bằng những hình ảnh mộc mạc, tinh tế, giàu nhạc điệu dân ca, làm sống dậy vẻ đẹp tâm hồn người con gái miền Tây Trung Bộ.

Niê Thanh Mai là cây bút dân tộc Ê Đê, bên cạnh những truyện ngắn, chị còn là một cây bút thơ ca. Thơ Niê Thanh Mai tươi đẹp như tình yêu của người con gái Tây Nguyên, chân thực, hồn nhiên, tinh tế. Bài thơ *Thơ viết ở AJun Hạ* nhuộm đậm màu phong tục: “Ô em!Đêm nay

trăng sáng/ Minh dắt nhau ra lán tre/Bồn bề mênh mông/Ta tìm nhau như chim rừng tìm bạn kết đôi/ Ô em!Đêm nay thú không đi hoang/ Cá dưới hồ thôi quẫy đạp/Uốn éo tìm bạn tình thú thi/Hai ta chỉ còn một/ À.../Trời mênh mông gió/ lán bản bật run/ Ô em!Ta thương em!Thương những đêm trăng ngoài lán của mình”. Đến bài thơ *Em*, lại như một bức tranh về tình yêu là cái đẹp và sự sinh sôi mãi mãi: “Gấu váy em dính đầy cỏ may/ Quỳ gối xuống/ Anh nhật cho/Kèo đâm vào bắp chân ngăm ngăm màu đất. Cổ tay em/ Dính nhựa cây rừng/ Lại đây anh kéo vạt áo đỏ chói trước ngực/ Lau cho/khỏi đen, khỏi ám. Vòng ngực em/ Nhô căng sau thổ cẩm dầy như tấm chăn em đắp/ Ướt đầm/ Mồ hôi ngọt mặn của bước chân lội suối trèo đồi/ Bắt anh về nhà em đi!Về anh gỡ hoa may gấu váy/ Chùi nhựa cây rừng/ Hít sâu lồng ngực con gái/ Sâu rồi lồng rồi dạ/ Chúng mình sẽ đẻ con/ Gái lại dính hoa may gấu váy/ Trai lượn lờ đòi chùi nhựa cổ tay”¹³. Cái hay trong thơ chị là hình ảnh dân dã và hồn nhiên cảm xúc về lẽ sinh tồn bất diệt của tình yêu nhân loại.

Chu Thùy Liên là nhà thơ nữ dân tộc Hà Nhì, có nhiều bài thơ độc đáo mang sắc màu quê hương như: *Mùa hoa mạn*, *Oi dud a*, *Gửi bạn*... Thơ chị đậm thắm yêu thương, đậm sắc màu huyền thoại. Bài thơ *Tàng cẩu* gọi về một kí ức dân gian: “Biết anh từ thuở trời tròn như hoa nâm/ Biết anh từ thuở đất dựng ba cột chống trời/ Ai ngỡ tóc dài trâm cài/Ràng cuốn tình anh/ Ai ngờ hoa nhà mình/ Nở hoa sàn nhà khác/ Để chăn đêm lạnh lũng/ Em hóa thành Khun Lù nàng Ủa chờ”. Đến bài thơ *Mùa hoa mạn* của chị như một bức tranh hài hòa giữa thiên nhiên với con người, mang cảm xúc tươi trẻ của của một hồn thơ khi mùa xuân mang đầy sức sống tới bản làng: “Cành mạn bung cánh muôt/ Lũ con trai háo hức

chơi cù/ Lũ con gái rộn ràng khăn áo/Bóng bay
nâng ước mơ con trẻ/ Cành mạn bung cánh muốt/
Giục mẹ xôn xang lá, gạo/ Giục cha vui lòng
căng cánh nỏ/ Giục người già bản hồi hà làm đu/
Cành mạn bung cánh muốt/ Nhà trình tường ủ
huơng nếp/ Giục lửa hồng nở hoa trong bếp/ Cho
người đi xa nhớ lối trở về”.¹⁴

Hoàng Kim Dung - cây bút dân tộc Tày, có các bài thơ *Chiều, Điều đơn giản, Nếu biết thế này, Đàn ông, Mẹ ơi* được hình thành từ những điều gần gũi. Thơ chị chân thành, giàu mơ ước và tình yêu thương nồng thắm. Tiêu biểu là bài thơ *Bây giờ mùa hạ* trong đó có những câu: “Sao em thêm ngọn gió từ núi cao/ Nơi có lần anh tìm cho viên đá trắng/ Hôm ấy gió heo may về/ Bầu trời thì xanh thắm/ Em đã mang nụ hôn qua gió/ Và cất đi những khao khát tràn ngập/ Giá mà đêm nay có thể bay lên được/ Em sẽ theo ngọn gió nhớ thương/ Trong vòng tay bé nhỏ của mình/ Từ mùa thu... đến bây giờ mùa hạ”. Bài thơ giải bày tâm trạng khao khát tình yêu siêu thoát giàu nữ tính qua cái tôi trữ tình của người thiếu nữ xứ lâm tuyền.

Thời kỳ đổi mới đã mở rộng cơ hội cho nhiều tài năng các dân tộc phát huy những tiềm năng của chính mình. Khát vọng chung của các nhà thơ đều mong sao cho thơ mình giành được nhiều độc giả. Song không phải cuộc dẫn thân nào cũng thành công như mong đợi, mà điều đó còn phụ thuộc tài năng, cảm xúc, tiềm thức văn hóa mới có được sinh thể nghệ thuật mới chào đời. Thơ các dân tộc thiểu số phản ánh sự trưởng thành về nghệ thuật bằng tiếng nói sinh động, giàu sắc điệu tươi đẹp về tâm hồn, tình cảm và hiện thực mỗi miền quê đất nước. Thành công của các nhà thơ, không phải là tạo ra những điều khác biệt dị thường, mà là sự trở lại với cội

nguồn dân tộc để khám phá những gì tinh diệu, hồn nhiên tươi đẹp nhất của cha ông còn nương náu ở trong mình, trong đó có thiên nhiên muôn màu sắc, thuần phong mỹ tục cùng với cuộc sống đang đâm chồi nảy lộc để nhà thơ nói lên những cảm xúc tình ca lay động lòng người. Tiềm năng mĩ cảm và sự nhạy bén trước biến chuyển của cuộc sống làm tiền đề cho những vần thơ mới. Trong cuộc hành trình đổi mới, trở về với cội nguồn dân tộc cũng là một trong những con đường tươi sáng của thơ ca. □

Chú thích:

1. Glang Anak: tên một thi phẩm cổ Chăm
2. Plây: buồn, lãng
3. Pờ Sào Mìn. *Cây hai ngàn lá và bài ca hoang dã* (1994-1995). NXB. Văn hóa Dân tộc
4. Tạp chí *Văn nghệ quân đội*, tháng 4 năm 1999
5. Pờ Sào Mìn. *Cây hai ngàn lá và bài ca hoang dã* (1994-1995). NXB. Văn hóa Dân tộc
6. Linh Nga Niê Kđăm Design by *Thiet ke web buon ma thuot*
7. Mai Liễu. *Núi hãy còn mưa*. NXB. Văn hóa dân tộc, 2013
8. Pờ Sào Mìn. *Cây hai ngàn lá và bài ca hoang dã* (1994-1995). NXB. Văn hóa Dân tộc
9. *Các nhà thơ Việt Nam*. NXB. Giáo dục. 2005.
10. Triệu Kim Văn. *Thơ cù*. Báo Văn Nghệ, 2003
11. Tạp san *Nghiên cứu văn học* © 2013 Trường Đại học Tây Bắc.
12. *Các nhà thơ Việt Nam*. NXB. Giáo dục. 2005.
13. Linh Nga Niê Kđăm Design by *Thiet ke web buon ma thuot*
14. Chu Thùy Liên. *Tàng cẩu*. Báo Dân tộc & phát triển. 2014